

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **306/2026/HS-ST**

Ngày 11/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Đức Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thông-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7
– Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Thiệu Văn Thịnh- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 293/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Anh T**, sinh năm 2007 tại Hà Nội; Số CCCD: 001207044221. Nơi đăng ký HKTT: **Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá : Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Ngọc H** và bà **Nguyễn Thị Thu T1**; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2026 tại Trại tạm giam số 1, **Công an thành phố H**.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Minh N**, sinh năm 2007 tại Hà Nội; Số CCCD: 001207043614. Nơi đăng ký HKTT: **Thôn I, xã T, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá : Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn H1** và bà **Lã Thị Kim C**; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2026 tại Trại tạm giam số 1, **Công an thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 2007 tại Hà Nội; Số CCCD: 001207001036. Nơi đăng ký HKTT: **Thôn F, xã T, thành phố Hà Nội**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá : Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H2** và bà **Đỗ Thị S**; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2026 tại Phân trại tạm giam **S**, Trại tạm giam số 1, **Công an thành phố H**. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Anh **Nguyễn Duy H3**, sinh năm 2008.

Nơi cư trú: **Thôn X, xã T, thành phố Hà Nội** – Vắng mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: **Thôn Y, xã Đ, thành phố Hà Nội** – Vắng mặt.

- **Anh Đào Thanh T2**, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: **Thôn H, xã T, thành phố Hà Nội** – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 26/02/2026, anh Nguyễn Duy H3, Nguyễn Ngọc A Thiêm sinh năm 2007, Nguyễn Thanh B và Phạm Minh N rủ nhau đi đến quán I1 tại thôn X, xã T, thành phố Hà Nội để chơi. Sau đó, T cùng B và H3 đến đón chị Đặng Thị Thanh H4, sinh ngày 29/4/2008, trú tại thôn P, xã K, thành phố Hà Nội để đi ăn sinh nhật. N ở lại quán I1 chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô của H3 chở B, H3 và H4 đi về. Do H3 say rượu nên T, B và H4 đưa H3 đến nhà nghỉ M1, địa chỉ tại thôn T, xã N, thành phố Hà Nội để ngủ. Khi đến nhà nghỉ M1, T đưa H3 lên thuê phòng 401.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/02/2026, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát: 20AH- 086-08 của anh H3 chở B và H4 đi lên khu vực phường P, tỉnh Phú Thọ để đổ xăng và đi ăn rồi T và B đưa H4 về nhà. Sau đó, do cần tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định và rủ B đem xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade của anh H3 đi cầm cố, B đồng ý. Thiêm và B đến quán I1 gặp và rủ N cùng mang xe mô tô Honda AirBlade của anh H3 đi cầm cố lấy tiền tiêu sài thì N đồng ý. Ba, T và N mang xe mô tô đến quán Internet của anh Đào Thanh T2, tại địa chỉ thôn P, xã T, thành phố Hà Nội. Đến nơi, T, Ba và N gặp anh Ngô Bảo S1, sinh năm 2006, trú tại thôn A, xã T, thành phố Hà Nội đang trông quán. Tại đây, T hỏi muốn cầm cố xe mô tô. Anh S1 gọi điện thoại cho anh T2 thì anh T2 bảo S1 kiểm tra giấy tờ, nguồn gốc xe. T có nói xe của N, giấy tờ mang đến sau. Sau khi xác nhận nguồn gốc xe, anh T2 nói xe này cầm được 10.000.000 đồng thì T, N, B đồng ý. Anh T2 chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng cho anh S1. Sau đó, anh S1 chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản V2 số 1032954451 của N. Sau khi nhận được tiền, T, B và N ngồi chơi luôn ở quán Internet của anh T2. N, T, B đã sử dụng hết số tiền 10.000.000 đồng để chơi game và tiêu sài cá nhân hết.

Đến khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày, T tiếp tục rủ B và N về nhà nghỉ lấy chiếc điện thoại của anh H3 mang đi cầm cố thì Ba và N đồng ý. Khi về đến nhà nghỉ M1, T và B lên phòng 401, N ở dưới xe taxi đợi. Thiêm và B đi lên phòng 401 thì thấy anh H3 vẫn đang ngủ. Thiêm và B tìm nhưng không thấy điện thoại nên T gọi anh H3 dậy và bảo anh H3 cho T mượn điện thoại. Anh H3 tỉnh dậy, lấy điện thoại ở dưới lưng rồi đưa cho T. Thiêm cầm điện thoại của anh H3 ra ghế ngồi. Lúc này, anh H3 bảo khát nước, B bảo T đi xuống lấy nước cho anh H3. Thấy vậy, T cầm điện thoại của anh H3 đi xuống xe taxi với N để Ba ở lại với anh H3 kéo dài thời gian để T và N mang điện thoại đi bán. Thiêm và N thuê taxi đi sang khu vực nội thành Hà Nội ăn bún rồi thuê nhà nghỉ (không rõ tên và địa chỉ) chờ đến sáng

để bán điện thoại. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, **T** và **N** đi bộ tìm quán để bán điện thoại nhưng không bán được do điện thoại của anh **H3** có tài khoản Icloud. Sau đó, **T** và **N** thuê taxi đi về quán **Đ1** địa chỉ tại tổ A, xã S, thành phố Hà Nội. Thêm một mình vào quán gặp anh **Lê Văn Đ** là chủ quán. Thêm hỏi muốn bán chiếc điện thoại Iphone 15 Pro, anh **Đ** kiểm tra thì thấy tài khoản **I** trong máy là tài khoản của cửa hàng **Hoàng Hà M** và đang nợ 5.500.000 đồng tiền trả góp. Do khoảng thời gian trước Tết năm 2026, anh **Đ** đã bán chiếc điện thoại này với giá 16.000.000 đồng nên anh **Đ** đồng ý mua lại và báo giá 15.000.000 đồng, **T** đồng ý. Anh **Đ** đưa cho **T** 9.500.000 đồng tiền mặt, trừ 5.500.000 đồng tiền trả góp. **T** cầm tiền đi ra xe taxi rồi cùng **N** đi về. Khi về đến quán **I1**, **T** đưa cho **N** 150.000 đồng để thanh toán tiền chơi bi-a còn thiếu. Sau đó, **N** đi về nhà, còn **T** đã thuê nhà nghỉ (không rõ tên và địa chỉ) để ngủ. Sáng 27/02/2026, anh **H3** ngủ dậy thì **B** nói việc **T** đã lấy xe mô tô và điện thoại của anh **H3**. Sau đó, anh **H3** tìm cách liên hệ với **T** để lấy lại xe và điện thoại nhưng không được. Đến ngày 28/02/2026, anh **H3** đến Công an xã **N** trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, các bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

****Vật chứng thu giữ:***

- Tạm giữ của **Phạm Minh N** 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu vàng, màn hình bị vỡ, số IMEI: 358604075251600 (đã qua sử dụng);
- Tạm giữ của **Nguyễn Ngọc A** Thêm số tiền 1.040.000 đồng.
- Tạm giữ của anh **Đào Thanh T2** 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 20AH – 086.08.
- Tạm giữ của anh **Lê Văn Đ** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu xám, dung lượng 128GB.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã **N**, thành phố Hà Nội, kết luận:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ - đen, dung tích 124,8 cm³, biển kiểm soát 20AH – 086.08, số máy JK14E0394907, số khung RLHJK140XRZ304296, vành đúc bằng kim loại, sản xuất lắp ráp trong nước có giá trị **30.000.000** đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu xám titan tự nhiên, dung lượng 128GB, số máy MTUX3KH/A, số seri JPC7WX9Y5H có giá trị **15.000.000** đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 20AH – 086.08, xác định chủ sở hữu là anh **Nguyễn Lực V**, sinh năm 2007, thường trú tại **thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. Ngày 26/02/2026 anh **V** cho anh **H3** mượn chiếc xe mô tô trên để sử dụng. Ngày 6/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H** đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh **V1** quản lý sử dụng.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu xám tự nhiên, dung lượng 128GB. Ngày 06/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H** đã trả lại cho anh **H3**.

Số vật chứng còn lại được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Hà Nội để xử lý theo quy định.

Đối với anh **Lê Văn Đ**, do không biết đây là tài sản do các bị can chiếm đoạt nên không có căn cứ để xử lý đối với anh **Đ** về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với **Đào Thanh T2** và **Ngô Bảo S1**, do không biết đây là tài sản do các bị can chiếm đoạt nên không có căn cứ để xử lý đối với anh **T2** và anh **S1** về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với **Đặng Thị Thanh H4**, do **H4** không biết và không tham gia cùng các bị can chiếm đoạt tài sản của anh **Nguyễn Duy H3** nên không có căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh **Nguyễn Duy H3** không có yêu cầu gì đối với các bị can.

Những người liên quan: Anh **Lê Văn Đ** yêu cầu các bị can phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng; anh **Đào Thanh T2** không yêu cầu các bị can phải hoàn trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 14/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội truy tố các bị cáo về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội

dung vụ án đã tóm tắt trên, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo **T**; điểm b, s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Nhật điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo **B**; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc Anh T** mức án từ 18 đến 21 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 12 đến 15 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của hai tội từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt: **Phạm Minh N** mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 09 đến 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của hai tội từ 21 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt: **Nguyễn Thanh B** mức án từ 9 đến 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 6 đến 9 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt của hai tội từ 15 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Về dân sự: Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho anh **Lê Văn Đ** số tiền 5.000.000 đồng. Truy thu của bị cáo **T** số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo **N** 3.000.000 đồng, bị cáo Ba 3.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng; Tạm giữ số tiền 1.040.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Ngọc A** Thêm để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 27/02/2026, sau khi được anh Nguyễn Duy H3 giao chiếc xe mô tô Honda AirBlade, BKS 20AH – 086.08 trị giá 30.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Anh T cùng Phạm Minh N và Nguyễn Thanh B đã mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Đến khoảng 02 giờ 15 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc Anh T cùng Phạm Minh N và Nguyễn Thanh B tiếp tục thực hiện hành vi gian dối, giả vờ mượn rồi mang chiếc điện thoại Iphone 15 Pro, trị giá 15.000.000 đồng của anh Nguyễn Duy H3 đi bán lấy tiền tiêu sài.

Tổng giá trị tài sản về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị can là 30.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị can là 15.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội truy tố bị cáo về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Lạm

dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Bộ luật hình sự đã quy định.

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **N**, bị cáo **B** đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **B** có bà nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về vai trò của bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Bị cáo **T** rủ rê các bị cáo, tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đầu vụ. Bị cáo **N**, bị cáo Ba cùng tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò ngang nhau.

Các bị cáo tuy phạm tội ít nghiêm trọng nhưng phạm hai tội do vậy thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra người bị hại đã nhận được tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Thanh Tùng không có ý kiến gì về việc bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh **Lê Văn Đ** yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Gia đình bị cáo **B**, bị cáo **N** đã bồi thường cho anh **Đ** mỗi gia đình 5.000.000 đồng. Anh **Đ** yêu cầu bị cáo **T** tiếp tục bồi thường cho anh số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo **T** đồng ý bồi thường. Do đó buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho anh **Đ** số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng các bị cáo cầm xe cho anh **Đào Thanh T2**, các bị cáo đã ăn tiêu hết, anh **T2** không đề nghị gì, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu. Bị cáo **T** sử dụng nhiều hơn bị cáo **N**, bị cáo **B** do đó truy thu của bị cáo **T** số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo **N** số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo **B** số tiền 3.000.000 đồng.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174, khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ....*”. Xét điều kiện các bị cáo hiện không có công ăn việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử miễn không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[5]. Về tang vật: Cơ quan điều tra **Công an thành phố H** có thu giữ của **T** số tiền 1.040.000 đồng, thu giữ của **N** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng. Số tiền của **T** tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung công điện thoại của bị cáo **N**.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc Anh T** 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175 điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phạm Minh N** 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 12 (mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thanh B** 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2026.

Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho anh **Lê Văn Đ** số tiền 5.000.000 đồng

Truy thu của bị cáo **T** số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo **N** số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo **B** số tiền 3.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, tạm giữ của bị cáo **T** số tiền 1.040.000 đồng để đảm bảo thi hành án. (Tình trạng tang vật như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** và Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – thành phố Hà Nội).

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Bị cáo **T** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo được quyền

kháng cáo. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7 – Hà Nội.
- Thị hành án dân sự TP. Hà Nội
- Công an thành phố Hà Nội.
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND thành phố Hà Nội.
- Bị cáo .
- Đương sự.
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thu Trang